**NGÔN NGỮ & ĐỜI SỐNG**

Số 1(281)-2019

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC** |  |
| VÕ ĐẠI QUANG | Những đường hướng xác lập cấu trúc âm vị học | 5 |
| NGUYỄN HOA PHƯƠNG | Một số điểm đặc biệt trong kết hợp giữa nguyên âm và âm cuối của tiếng Việt Tây Nam Bộ | 16 |
| NGUYỄN THU QUỲNH | Mô hình tri nhận “sợ” trong *Truyện Kiều,* dưới góc nhìn của ngôn ngữ học tri nhận | 23 |
| LÊ THỊ HƯƠNG | Hư từ trong *BẠCH VÂN QUỐC NGỮ THI TẬP* của Nguyễn Bỉnh Khiêm | 28 |
| TRẦN QUỐC VIỆT | Một vài định hướng chuẩn hóa thuật ngữ kinh tế thương mại tiếng Việt | 33 |
| TRỊNH NGỌC THANH | Việc xây dựng thư tín thương mại và thư tín thương mại tiếng Việt | 40 |
|  | **NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ** |  |
| PHAN VĂN HÒA | Nhận diện và phân tích những vấn đề tồn tại trong dạy-học các môn lí thuyết tiếng của chương trình cử nhân tiếng Anh ở Việt Nam | 47 |
| NGUYỄN PHƯỚC LỘC | Thực trạng phát triển đội ngũ giáo viên tiếng Trung ở một số tỉnh thành khu vực phía Nam theo yêu cầu đổi mới dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân | 53 |
| VŨ THỊ HƯƠNG TRÀ  | Về nhóm từ mượn có kí tự Latin trong tiếng Hán hiện đại | 61 |
| LÝ THIÊN TRANG | Đối chiếu đại từ nhân xưng trong tiếng Anh và tiếng Đức | 67 |
|  | **NGÔN NGỮ VỚI VĂN CHƯƠNG** |  |
| NGUYỄN NHÂN ÁI | Đặc điểm dụng học của các phương tiện liên kết hồi chỉ chỉ ngôi trong tác phẩm "Số đỏ" của Vũ Trọng Phụng | 77 |
| ĐỖ PHƯƠNG LÂM | Bác Hồ đã viết bài thơ *Nguyên tiêu* như thế nào? | 84 |
|  | **NGÔN NGỮ CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM** |  |
| TRỊNH THỊ THU HÒA | Các từ ngữ chỉ bộ phận thực vật trong tiếng Sán Dìu | 87 |
| NGUYỄN TRẦN QUÝ | Đặc điểm âm học của phụ âm tắc trong tiếng Châu Ro | 94 |
| LÊ THỊ TRÚC HÀ | Từ thân tộc trong tiếng Việt và tiếng Khmer nhìn từ góc độ ngôn ngữ giới | 99 |

**LANGUAGE & LIFE**

Vol. 1(281)-2019

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **LINGUISTICS AND VIETNAMMESE LINGUISTICS** |  |
| VO DAI QUANG | Approaches to establishing phonological structures | 5 |
| NGUYEN HOA PHUONG | Some special characteristics in the combination of vowels and last sounds of Southwestern Vietnamese | 16 |
| NGUYEN THU QUYNH | Cognitive model of “FEAR” in the *Truyen Kieu*, under the viewpoint of cognitive linguistics | 23 |
| LE THI HUONG | The formal word in the poem collection *BACH VAN QUOC NGU THI TAP*  by Nguyen Binh Khiem | 28 |
| TRAN QUOC VIET | Some guidelines on standstandization of Vietnamese commercial, economic terms | 33 |
| TRINH NGOC THANH | The construction of commercial correspondence | 40 |
| and Vietnamese commercial correspondence |
|  | **FOREIGN LANGUAGES AND VIETNAMESE** |  |
| PHAN VAN HOA | Identifying and analyzing the problems in teaching- learning linguistics subjects of the English bachel or curriculum in Vietnam | 47 |
| NGUYEN PHUOC LOC | The situation of the development of chinese teaching staff in some Southern provinces, Vietnam to meet the requirements of innovations in foreign language teaching and learning in the national education system | 53 |
| VU THI HUONG TRA | On alphabetic words in contemporary Chinese | 61 |
| LY THIEN TRANG | Compare and constrast the personal pronouns in English and German language | 67 |
|  | **LANGUAGE AND LITERATURE** |  |
| NGUYEN NHAN AI | Pragmatic features of the means of anaphoric cohesion in | 77 |
| *“Số đỏ”* by Vu Trong Phung |
| DO PHUONG LAM | How Ho Chi Minh wrote *Nguyên tiêu* poem? | 84 |
|  | **LANGUAGES OF ETHNIC MINORITIES IN VIET NAM** |  |
| TRINH THI THU HOA | A study of words indicating plant parts in the San Diu language | 87 |
| NGUYEN TRAN QUY | Acoustic features of the stop consonants in the Chrau language | 94 |
| LE THI TRUC HA | Kinship terms in the Vietnamese language and Khmer  | 99 |
|  | language from the perspective of gender language |  |

**NGÔN NGỮ & ĐỜI SỐNG**

Số 2(282)-2019

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC** |  |
| NGUYỄN VĂN KHANG | Ngày Quốc tế Tiếng mẹ đẻ và một số vấn đề về “tiếng mẹ đẻ” từ thực tế ở vùng dân tộc thiểu số hiện nay | 3 |
| NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN | Ánh xạ ẩn dụ ý niệm *THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN LÀ BIỂN* trong các bản tin thị trường chứng khoán tiếng Việt | 11 |
| LÊ THỊ MỸ HẠNH | Các phương thức xây dựng hệ thuật ngữ mĩ thuật tiếng Việt | 16 |
| PHAN THỊ THU THỦY | Một số văn bản quản lí hành chính nhà nước dưới góc nhìn của lí thuyết lập luận  | 23 |
|  | **NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ** |  |
| VÕ THỊ BẠCH LIÊN | Một vài đặc điểm của từ tượng thanh trong tiếng Nhật và tiếng Việt | 29 |
| TRẦN THỊ THANH LOAN | So sánh thuật ngữ kĩ thuật xây dựng công trình giao thông trong tiếng Việt và tiếng Anh | 37 |
| TRẦN THỊ HẢI BÌNH | Nghĩa của từ “mắt” trong tiếng Việt và  “eye” trong tiếng Anh | 47 |
| NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC | Giá trị của từ vựng tiếng Anh qua các kì thi Cambridge YLE đối với việc học tiếng Anh của học sinh tiểu học | 51 |
| TRẦN THỊ CÚC | Mệnh đề (cú) Biến vị trong tiếng Anh đối với sinh viên không chuyên Anh ngữ | 60 |
| LÊ THỊ THANH HÀ | Những khó khăn sinh viên gặp phải khi học môn Thư tín thương mại và hướng giải quyết | 69 |
| PHẠM THÙY NGỌC TRANG | Ứng dụng công nghệ thông tin để hỗ trợ việc giảng dạy và soạn đề thi cho kĩ năng nghe | 74 |
| PHẠM THỊ THANH THÚY | Giao thoa văn hóa và ngôn ngữ qua các bài đọc hiểu trong sách "New English File-Intermediate" | 78 |
|  | **NGÔN NGỮ VỚI VĂN CHƯƠNG** |  |
| PHÓ THỊ HỒNG OANH | Đặc điểm trường từ vựng-ngữ nghĩa chỉ thiên nhiên và con người trong *Truyện Tây Bắc* của Tô Hoài | 85 |
|  | **NGÔN NGỮ CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM** |  |
| CẦM TÚ TÀI | Về đặc trưng văn hóa dân tộc trong thành ngữ-tục ngữ tiếng Thái Việt Nam | 94 |

**LANGUAGE & LIFE**

Vol. 2(282)-2019

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **LINGUISTICS AND VIETNAMMESE LINGUISTICS** |  |
| NGUYEN VAN KHANG | International Mother Language Day and some issues about “mother tongue” from reality in current ethnic minority areas | 3 |
| NGUYEN THI THANH HUYEN | Mapping in the conceptual metaphor *STOCK MARKET AS OCEAN* in Vietnamese stock market news | 11 |
| LE THI MY HANH | Methods to build Vietnamese art terminology system | 16 |
| PHAN THI THU THUY | Some state’s administrative managing documents in the perspective of theory of argument | 23 |
|  | **FOREIGN LANGUAGES AND VIETNAMESE** |  |
| VO THI BACH LIEN | Sound characteristics onomatopoeia in Japanese and Vietnamese | 29 |
| TRAN THI THANH LOAN | Comparison of Vietnamese and English technical terms in traffic construction engineering | 37 |
| TRAN THI HAI BINH | Meanings of the word "mắt" in Vietnamese and "eye" in English | 47 |
| NGUYEN THI BICH NGOC | The value of English vocabulary in Cambridge YLE tests | 51 |
|  in primary students' English learning |
| TRAN THI CUC | The structures of finite clauses in English for non-English major students  | 60 |
| LE THI THANH HA | Challenges that students may encounter when learning business correspondece and suggested solutions | 69 |
| PHAM THUY NGOC TRANG | The application of information technology to teaching language and writing tests relevant to audio files | 74 |
| PHAM THI THANH THUY | Cross-cultural communication and language in reading texts printed in the coursebook "New English File-Intermediate" | 78 |
|  | **LANGUAGE AND LITERATURE** |  |
| PHO THI HONG OANH | Characteristics of the semantic fields relating to nature and humans in the work *Truyện Tây Bắc* by To Hoai | 85 |
|  | **LANGUAGES OF ETHNIC MINORITIES IN VIET NAM** |  |
| CAM TU TAI | Ethnic-cultural characteristics in idioms-proverbs of Thai language in Vietnam | 94 |

**NGÔN NGỮ & ĐỜI SỐNG**

Số 3(283)-2019

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC** |  |
| TRẦN THỊ PHƯƠNG LÝ - LÊ CAO THẮNG | Phạm trù màu sắc: từ lí thuyết của Kay và Berlin đến những nghiên cứu ứng dụng trong tiếng Việt | 3 |
| TRƯƠNG NHẬT VINH | Về một vài cặp tên Nôm - Hán Việt của địa danh làng Bắc Bộ có mối quan hệ về ngữ âm | 15 |
|  | **NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ** |  |
| PHAN VĂN HÒA | Phân tích và định hướng ứng dụng ngôn ngữ học cấu trúc vào dạy-học các môn lí thuyết tiếng trong chương trình cử nhân tiếng Anh ở Việt Nam | 28 |
| NGUYỄN QUANG MINH TRIẾT | Không gian trong ngôn ngữ (đối chiếu ba giới từ tiếng Anh với tiếng Việt) | 34 |
| NGUYỄN MINH HẠNH | Cách sử dụng tiếng Việt một cách hiệu quả trong quá trình giảng dạy tiếng Anh  | 40 |
| TRẦN THỊ HUYỀN TRANG | Dùng tiếng Anh để dạy và học ở các trường Đại học Việt Nam: yêu cầu và thách thức | 45 |
| NGUYỄN ĐẶNG NGUYỆT HƯƠNG | Hoá thạch (fossilization) - trường hợp ngôn ngữ trung gian tiếng Anh của người Việt | 54 |
| NGUYỄN THỊ DIỆU HÀ | Sử dụng phiếu đánh giá/phản hồi cuối buổi học như một phương thức đánh giá quá trình: nhìn từ góc độ của người học | 61 |
| TRẦN THỊ BÍCH NGỌC | Nhận thức của giảng viên về ứng dụng mô hình học tập kết hợp trong giảng dạy tiếng Anh | 68 |
| ĐINH THỊ THU TRANG | Vai trò của kể chuyện trong giảng dạy tiếng Anh cho trẻ nhỏ | 75 |
| NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG | Tính cách của người học ảnh hưởng tới việc tham gia giờ học nói tiếng Anh không chuyên tại Đại học Quốc gia Hà Nội | 81 |
| PHẠM THU HÀ | Phân tích nhu cầu nhằm xây dựng chương trình tiếng Anh chuyên ngành cho sinh viên Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội | 85 |
|  | **NGÔN NGỮ VỚI VĂN CHƯƠNG** |  |
| LÊ THỊ THÙY VINH | Phân tích từ ngữ trong giảng dạy thơ ca lãng mạn 1930-1945 | 93 |
|  | **NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA** |  |
| TÔ VIỆT THU | Thế giới quan của công giáo qua các danh xưng về Chúa Giê-su trong tiếng Anh | 101 |
| NGUYỄN THỊ NHUNG - NGUYỄN THU HUYỀN | Nội dung giao tiếp - một nhân tố quan trọng của hoạt động giao tiếp bằng tiếng Việt trên mạng xã hội facebook hiện nay | 107 |
|  | **NGÔN NGỮ CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM** |  |
| NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG - PHẠM THỊ THANH HẢI | Một vài yếu tố tác động đến cảnh huống đa ngữ ở Điện Biên hiện nay | 116 |

**LANGUAGE & LIFE**

Vol. 3(283)-2019

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **LINGUISTICS AND VIETNAMMESE LINGUISTICS** |  |
| TRAN THI PHUONG LY - LE CAO THANG | Color category: from the theory of Kay and Berlin to its applications to studying Vietnamese language | 3 |
| TRUONG NHAT VINH | A study on the phonetic relation between pairs of Nôm & Sino-Vietnamese name of villages in the Northern Delta Vietnam | 15 |
|  | **FOREIGN LANGUAGES AND VIETNAMESE** |  |
| PHAN VAN HOA | Applying some core contents of structural linguistics to teaching-learning theoretical subjects in BA curriculum of English at Vietnam Universities | 28 |
| NGUYEN QUANG MINH TRIET | Space in language (comparing three prepositions in English with Vietnamese) | 34 |
| NGUYEN MINH HANH | How to use Vietnamese effectively in teaching English | 40 |
| TRAN THI HUYEN TRANG | EMI in Vietnamese tertiary programs: principles and challenges | 45 |
| NGUYEN DANG NGUYET HUONG | Fossilization: the case of Vietlish  | 54 |
| NGUYEN THI DIEU HA | Using end-of-lesson assessments as formative assessment: an investigation into students’ perceptions | 61 |
| TRAN THI BICH NGOC | Teachers’ perceptions of the implementation of blended learning in English language teaching | 68 |
| DINH THI THU TRANG | The role of storytelling in teaching English to young learners | 75 |
| NGUYEN THI HUYEN TRANG | Personality of English non-majors and its influences on their participation in speaking classes, VNU | 81 |
| PHAM THU HA | Needs analysis towards an ESP program design for students of University of Economics and Business - Vietnam National University | 85 |
|  | **LANGUAGE AND LITERATURE** |  |
| LE THI THUY VINH | Lexical analysis in teaching romantic poetry 1930-1945 | 93 |
|  | **LANGUAGE AND CULTURAL** |  |
| TO VIET THU | Catholic worldview through the names of Jesus in English | 101 |
| NGUYEN THI NHUNG - NGUYEN THỊ HUYEN | Communication content - one of the key factors of communication activitesin Vietnamese on facebook social networking at present | 107 |
|  | **LANGUAGES OF ETHNIC MINORITIES IN VIET NAM** |  |
| NGUYEN THI THU HUONG - PHAM THI THANH HAI | Some of the factors affecting the current multilingual situation in Dien Bien | 116 |

**NGÔN NGỮ & ĐỜI SỐNG**

Số 4(284)-2019

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC** |  |
| PHẠM VĂN HẢO | Biên soạn Từ điển phương ngữ Quảng Bình | 3 |
| PHẠM THỊ HÀ | Thái độ đối với lời khen trong giao tiếp của giới trẻ Việt Nam hiện nay | 8 |
| NGUYỄN THỊ THANH NGA | Một số vấn đề về năng lực ngôn ngữ và năng lực giao tiếp (Qua các công trình nghiên cứu của các tác giả nước ngoài) | 13 |
|  | **NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ** |  |
| HOÀNG THỊ YẾN - KIM EUN KYUNG | Tục ngữ so sánh tiếng Hàn có yếu tố chỉ con giáp (trọng tâm phân tích đặc trưng ngôn ngữ và cuộc sống người dân) | 18 |
| PHẠM THỊ THỦY | Tương đương dịch thuật giữa *and* trong tiếng Anh và *và* trong tiếng Việt (trên ngữ liệu bản dịch "Trời Nam lồng lộng" và nguyên bản tiếng Anh "Southern skies") | 28 |
| NGUYỄN THỊ MAI |
| PHẠM HOÀNG LONG BIÊN | Việc sử dụng tiền giả định trong phiên tòa đối chất: một nghiên cứu về bộ phim “*Final analysis*” | 35 |
| NGUYỄN MAI HOA | Đặc điểm cấu tạo và ngữ nghĩa của từ láy đôi trong tiếng Việt và tiếng Anh | 41 |
| NGÔ THỊ KHÁNH NGỌC | Ẩn dụ ý niệm “NỀN KINH TẾ LÀ CƠ THỂ CON NGƯỜI” trong báo chí tiếng Anh và tiếng Việt | 46 |
| NGUYỄN THỊ DUNG | Áp dụng phương pháp nhận thức ngôn ngữ phê phán trong giảng dạy ngôn ngữ | 55 |
| BỒ THỊ LÝ | Phân tích các lỗi sai từ vựng trong bài viết của sinh viên hệ vừa học vừa làm, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQG Hà Nội | 58 |
| BÙI THỊ ÁNH NGỌC | Khảo sát sự hài lòng của sinh viên về chương trình tự học tiếng Anh trực tuyến | 65 |
| BÙI THỊ KIM NGÂN | Phản hồi từ bạn học trong các lớp học viết của sinh viên năm thứ nhất | 70 |
| NGUYỄN THỊ THU HẰNG | Dạy viết tiếng Anh ở Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQG Hà Nội: vấn đề và giải pháp | 75 |
| LÊ THỊ PHƯƠNG | Sử dụng phương pháp *phản xạ toàn thân* để dạy tiếng Anh cho trẻ em | 79 |
| TRẦN KIỀU HẠNH | Đối chiếu hệ thống ngữ âm tiếng Anh - tiếng Việt và ứng dụng vào việc giảng dạy phát âm cho sinh viên Việt Nam không chuyên tiếng Anh | 83 |
| HOÀNG THỊ PHƯƠNG LOAN | Các hoạt động khai thác phim để giảng dạy ngoại ngữ | 93 |
| NGUYỄN THỊ MƠ - PHẠM THỊ THU THỦY | Niềm tin và thực tiễn trong giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành | 98 |
|  | **NGÔN NGỮ VỚI VĂN CHƯƠNG** |  |
| NGUYỄN TÚ QUYÊN | Các biểu thức sở chỉ biểu thị nhân vật được dùng theo phương thức miêu tả trong tác phẩm văn chương | 105 |
|  | **NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA** |  |
| ĐOÀN THÚY QUỲNH | Tìm hiểu văn hoá Anh qua ca khúc “25 minutes” | 111 |
|  | **NGÔN NGỮ CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM** |  |
|  PHAN THANH TÂM | Ngữ động từ trong tiếng Stiêng | 117 |

**LANGUAGE & LIFE**

Vol. 4(284)-2019

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **LINGUISTICS AND VIETNAMMESE LINGUISTICS** |  |
| PHAM VAN HAO | The compilation of Quảng Bình dialect dictionary | 3 |
| PHAM THI HA | Attitude to the compliments in communication of Vietnamese youth today | 8 |
| NGUYEN THI THANH NGA | Some issues on linguistic competence and communicative competence in the studies of foreign researchers | 13 |
|  | **FOREIGN LANGUAGES AND VIETNAMESE** |  |
| HOANG THI YEN - KIM EUN KYUNG | Comparative proverbs about Zodiac (focus on analizing language | 18 |
| features and people's life) |
| PHAM THI THUY - NGUYEN THI MAI | Translation equivalence between *and* in English and  *và* in Vietnamese (Data from the Vietnamese translation "Trời Nam lồng lộng" and its original English short story "Southern skies") | 28 |
| PHAM HOANG LONG BIEN | The use of presupposition in cross-examination trial: a study on the film “*Final analysis*” | 35 |
| NGUYEN MAI HOA | Characteristics of Vietnamese and English reduplicative words  | 41 |
| in terms of structure and semantic meaning |
| NGO THI KHANH NGOC | Conceptual metaphors of “ECONOMY AS A HUMAN BEING ”  | 46 |
| in English and Vietnamese newspapers |
| NGUYEN THI DUNG | The application of critical language awareness approach in language teaching | 55 |
| BO THI LY | An analysis oflexicalerrors in writing made by in-service students at ULIS, VNU | 58 |
| BUI THI ANH NGOC | Students’ satisfaction on an online English self-study program | 65 |
| BUI THI KIM NGAN | Peer written feedback in the first-year writing classes | 70 |
| NGUYEN THI THU HANG | Teaching English writing at the University of Social Sciences and Humanities - VNU: some problems and solutions | 75 |
| LE THI PHUONG | Using total *physical response* to teach English to children | 79 |
| TRAN KIEU HANH |  A comparison of English - Vietnamese phonetic systems and application in teaching pronunciation for non-English majored students | 83 |
| HOANG THI PHUONG LOAN | Activities for exploiting films in foreign language teaching | 93 |
| NGUYEN THI MO - PHAM THI THU THUY | Beliefs and practices in teaching English for specific purposes | 98 |
|  | **LANGUAGE AND LITERATURE** |  |
| NGUYEN TU QUYEN | Referring expressions of characters used as descriptive mode in literary work | 105 |
|  | **LANGUAGE AND CULTURE** |  |
| DOAN THUY QUYNH | Contribution to the understanding of the English culture through the song “25 minutes” | 111 |
|  | **LANGUAGES OF ETHNIC MINORITIES IN VIET NAM** |  |
| PHAN THANH TAM | Phrasal verb of Stieng language | 117 |

**NGÔN NGỮ & ĐỜI SỐNG**

Số 5(285)-2019

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC** |
| HỒ THỊ KIỂU OANH - TRƯƠNG THỊ MỸ THUẬN | Ẩn dụ tri nhận về *Mặt trời* trong những bài thơ tiếng Anh và tiếng Việt ở thế kỉ XX | 4 |
| VŨ THÙY LINH | Nghiên cứu về việc sử dụng hàm ngôn trong các khẩu hiệu quảng cáo đồ uống bằng tiếng Việt và tiếng Anh | 13 |
| LƯU VĂN NAM | Phương pháp chuyển dịch danh pháp vũ khí từ tiếng Anh sang tiếng Việt | 20 |
| NGUYỄN THỊ THỦY CHUNG | Khảo sát mức độ đoán định nghĩa trong các đơn vị định danh: nghiên cứu trường hợp danh từ ghép chỉ tên loài hoa trong tiếng Anh | 30 |
| HỒ THỊ THOA | Ẩn dụ ý niệm “QUỐC GIA LÀ CON NGƯỜI” | 39 |
|  trên báo *Nhân Dân điện tử* và *The New York Times* |
| PHÍ LÊ MAI | Một số vấn đề của thuật ngữ đồng nghĩa trong tiếng Việt và định hướng chuẩn hóa | 45 |
| BÙI THỊ HẰNG | Vài nét so sánh về phép ẩn dụ của các bộ phận cơ thể trong tiếng Anh và tiếng Việt | 51 |
| LÊ THỊ GIAO CHI - ĐOÀN PHAN ANH TRÚC | Khảo sát các từ hàm chỉ mức độ đánh giá trong diễn ngôn văn học Anh và việc chuyển dịch sang tiếng Việt | 57 |
|  | **NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ** |  |
| NGUYỄN LÂN TRUNG | Chiến lược ngoại ngữ: chìa khóa đưa Việt Nam vào quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng và mạnh mẽ | 67 |
| HOÀNG NGỌC TUỆ - TRẦN THỊ DUYÊN | Tiếng Anh chuyên ngành tại bậc đại học: Phản hồi từ các nhà tuyển dụng và cựu sinh viên | 72 |
| NGUYỄN THỊ HƯƠNG - LÊ ĐỨC HẠNH | Nghiên cứu thái độ của giáo viên với ứng dụng phương pháp dạy học kết hợp ở một trường Đại học tại Hà Nội | 78 |
| PHẠM HOA | Cải thiện kĩ năng viết thông qua tập bài viết: Nghiên cứu trường hợp | 86 |
| LÊ THỊ HƯƠNG GIANG - LÊ THỊ HƯƠNG THẢO | Thiết kế bài học tiếng Anh ngành May và Thiết kế Thời trang tại Đại học Công nghiệp Hà Nội | 94 |
| TRỊNH BỘI NGỌC - TRỊNH THỊ MỘNG NGỌC | Các yếu tố ảnh hưởng đến động cơ học tiếng Anh không chuyên của sinh viên ngành Y khoa tại Trường Đại học Trà Vinh | 102 |
|  | **NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA** |  |
| NGUYỄN MAI PHƯƠNG | Tích hợp dạy văn hóa Thái Lan trong việc dạy tiếng Thái: nghiên cứu khảo sát tại Việt Nam | 108 |

**LANGUAGE & LIFE**

Vol.. 5(285)-2019

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **LINGUISTICS AND VIETNAMESE LINGUISTICS** |  |
| HO THI KIEU OANH - TRUONG THI MY THUAN | Conceptual metaphor of “*sun*” in English versus Vietnamese 20th century poems  | 4 |
| VU THUY LINH | A study on implicature use in English and Vietnamese advertising slogans for beverage | 13 |
| LUU VAN NAM | Translation methods for weapon nomenclatures from English into Vietnamese | 20 |
| NGUYEN THI THUY CHUNG | A survey of meaning preditability levels for naming units: a case study of English flower-name compounds | 30 |
| HO THI THOA | Conceptual metaphor of “nation is a person” in *Nhan Dan online* and *The New York Times* | 39 |
| PHI LE MAI | Some issues of synonyms in Vietnamese and orientation for standardization | 45 |
| BUI THI HANG | A contrastive analysis of some parts of human body used as metaphors in English and Vietnamese | 51 |
| LE THI GIAO CHI - | Investigating infusing intensifiers in English literary discourse and shifts in their Vietnamese translation | 57 |
| DOAN PHAN ANH TRUC |
|  | **FOREIGN LANGUAGES AND VIETNAMESE** |  |
| NGUYEN LAN TRUNG | Foreign language strategy: the key to Vietnam's entry into strong and intensive international integration | 67 |
| HOANG NGOC TUE - TRAN THI DUYEN | English for specific purposes education at tertiary level: Feedback from the industry | 72 |
| NGUYEN THI HUONG - LE DUC HANH | An investigation into teachers’ attitudes towards blended learning application at a University in Hanoi  | 78 |
| PHAM HOA | Improving writing performance through writing portfolios: a case study | 86 |
| LE THI HUONG GIANG - LE THI HUONG THAO | Designing blended learning English lessons for garment and fashion design students at Hanoi University of Industry | 94 |
| TRINH BOI NGOC - TRINH THI MONG NGOC | Factors affecting medical students’ motivation in studying general English at Tra Vinh University | 102 |
|  | **LANGUAGE AND CULTURAL** |  |
| NGUYEN MAI PHUONG | Embedding Thai culture in teaching Thai language: an investigation in Vietnam | 108 |

**NGÔN NGỮ & ĐỜI SỐNG**

Số 6(286)-2019

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC** |  |
| NGUYỄN THỊ HỒNG CHUYÊN - SONGGOT PAANCHIANGWONG | Xưng hô trong giao tiếp của Hồ Chí Minh thời kì ở Thái Lan (1928 - 1929) (Qua tư liệu kịch bản phim “Thầu Chín ở Xiêm”) | 3 |
| TRẦN KẾ HOA | Về vấn đề đổi tên làng xã trùng nhau ở Bắc Ninh triều Nguyễn | 11 |
| LÊ ĐỨC LUẬN | Các yếu tố cấu tạo trong từ ghép láy nghĩa | 20 |
| CHU THỊ PHONG LAN | Hành động ngôn ngữ của người mua trong giai đoạn diễn biến của thương lượng mua bán của sinh viên | 26 |
| VŨ THỊ THU HUYỀN | Một vài đặc điểm trong tiêu đề của truyện ngôn tình | 32 |
| LÊ THANH HÒA | Ngữ âm tiếng Việt hiện đại trên bảng phiên âm quốc tế IPA | 38 |
| NGUYỄN THỊ NGÂN - NGUYỄN NGỌC NHẬT MINH | Lỗi và sửa lỗi chính tả cho học sinh lớp 3 huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam | 43 |
|  | **NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ** |  |
| PHẠM MAI KHÁNH - ĐỖ THANH LOAN | Phân tích lỗi trong bài tập viết tiếng Anh của sinh viên năm thứ nhất tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội | 54 |
| TÔ MINH THANH | Trạng ngữ thời gian trong tiếng Anh và khung đề thời gian trong tiếng Việt | 61 |
| LÊ THỊ KIM OANH | Chất lượng giáo dục đại học: hoạt động phục vụ cộng đồng của sinh viên Trường Đại học Thủ Dầu Một | 72 |
| THÁI BỬU TUỆ - LÊ HOÀNG KIM | Những yếu tố cần bổ sung khi tiến hành xây dựng đề cương bài giảng học phần kĩ năng tiếng Anh tại Trường Đại học Thủ Dầu Một  | 78 |
| PHẠM HOÀI THU | Đề xuất ứng dụng phương pháp học đảo ngược trong việc dạy tiếng Anh cho sinh viên hệ chất lượng cao, Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội | 85 |
| NGUYỄN HẢI HÀ | Sử dụng sơ đồ tư duy vào ôn tập câu bị động trong bài thi tiếng Anh vào lớp 10: trường hợp học sinh Trường THCS Trưng Vương  | 90 |
| MAI NHƯ QUỲNH - ĐỖ HẠNH CHI | Hoạt động chia sẻ tin tức như một hoạt động nghe mở rộng cho sinh viên năm thứ hai chuyên ngành tiếng Anh | 97 |
|  | **NGÔN NGỮ VỚI VĂN CHƯƠNG** |  |
| NGÔ THỊ THU HẰNG | Đặc trưng về tính bình dân và tính bác học trong lời ca quan họ Bắc Ninh | 102 |
|  | **NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA** |  |
| ĐẶNG THỊ THANH HOA | Dấu ấn văn hóa biển trong ngôn ngữ bài chòi Bình Định | 108 |
| LÊ SAO MAI | Đặc điểm định danh thực vật trong tiếng Quảng Nam | 113 |
|  | NGÔN NGỮ CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM |  |
| TẠ VĂN THÔNG | Chữ viết Cor và cách ghi trong Từ điển Việt - Cor, Cor - Việt | 118 |
| NGUYỄN THỊ THOA | Sự biến âm của một số từ song tiết trong tiếng Khmer Trà Vinh và tiếng Khmer Sóc Trăng | 125 |
|  | **DIỄN ĐÀN NÓI VÀ VIẾT** |  |
| NGUYỄN CÔNG ĐỨC - ĐINH LƯ GIANG | “Mầng miếng” và sự giản dị trong ngôn ngữ của anh Hai Nam Bộ | 134 |

**LANGUAGE & LIFE**

Vol. 6(286)-2019

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **LINGUISTICS AND VIETNAMMESE LINGUISTICS** |  |
| NGUYEN THI HONG CHUYEN – SONGGOT AANCHIANGWONG | Vocatives used by Ho Chi Minh when he was in Thailand (1928 -1930) (Through the film script of *"Ho Chi Minh in Siam"*) | 3 |
| TRAN KE HOA | Research on the modification of the duplication of  village names in Bac Ninh province of Nguyen's dynasty | 11 |
| LE DUC LUAN | Mechanism of meaning combination in compound words with repetition of meaning | 20 |
| CHU THI PHONG LAN | Speech acts of buyers in development stage of students' sales negotiation | 26 |
| VU THI THU HUYEN | Some characteristics of love story titles | 32 |
| LE THANH HOA | Modern Vietnamese in the international phonetic alphabet | 38 |
| NGUYEN THI NGAN – NGUYEN NGOC NHAT MINH | Spelling and spelling correction for 3rd grade pupils in Que Son district, Quang Nam province | 43 |
|  | **FOREIGN LANGUAGES AND VIETNAMESE** |  |
| PHAM MAI KHANH - DO THANH LOAN | An analysis of errors in writing English paragraphs of the first-year students at Hanoi University of Industry | 54 |
| TO MINH THANH | The English adverbial of time vs the Vietnamese range topic of time | 61 |
| LE THI KIM OANH | Quality in higher education: community service activities by Thu Dau Mot University students  | 72 |
| THAI BUU TUE - LE HOANG KIM | Added elements in conducting an English language skills syllabuses at Thu Dau Mot University | 78 |
| PHAM HOAI THU | Recommendation of applying flipped learning in English classes of fast track students, University of Techology, VNU | 85 |
| NGUYEN HAI HA | Using mind mapping to revise passive voice questions in high school entrance test: the case of Trung Vuong Secondary students  | 90 |
| MAI NHU QUYNH - DO HANH CHI | Using news sharing as an extensive listening activity for second-year students majoring in English | 97 |
|  | **LANGUAGE AND LITERATURE** |  |
| NGO THI THU HANG | The ordinary and academic features in Bac Ninh folk songs' lyrics | 102 |
|  | **LANGUAGE AND CULTURAL** |  |
| DANG THI THANH HOA | Cultural imprints in the language of Bai choi of Binh Dinh | 108 |
| LE SAO MAI | Characteristics of botanical identification in Quang Nam dialect | 113 |
|  | **LANGUAGES OF ETHNIC MINORITIES IN VIET NAM** |  |
| TA VAN THONG | Cor writing system and the way of writing in Vietnamese - Cor, Cor - Vietnamese Dictionaries | 118 |
| NGUYEN THI THOA | On the variation of the disyllabic words in Tra Vinh Khmer and Soc Trang Khmer | 125 |
|  | **FORUM FOR READERS** |  |
| NGUYEN CONG DUC - DINH LU GIANG | "Mầng miếng" and the simplicity of the language of the Southern Anh Hai  | 134 |

**NGÔN NGỮ & ĐỜI SỐNG**

Số 7(287)-2019

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC** |  |
| NGUYỄN VIỆT KHOA | Tên riêng dưới ánh sáng danh xưng học | 3 |
| LA THỊ MỸ QUỲNH | Vai trò ngữ pháp, ngữ nghĩa của quan hệ từ phụ thuộc *“bằng”* trong tiếng Việt | 10 |
|  | **NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ** |  |
| TRẦN LÊ DUYẾN | Thành ngữ, tục ngữ có thành tố biểu thị ý nghĩa “*một*” trong tiếng Việt và tiếng Anh | 18 |
| PHẠM THỊ HƯƠNG GIANG | So sánh lịch sự âm tính trong thư yêu cầu bằng tiếng Anh giữa người viết là người bản ngữ và người Việt Nam | 27 |
| NGUYỄN BÍCH NGỌC  | Khảo sát cách dịch thuật ngữ phòng cháy chữa cháy tiếng Anh sang tiếng Việt (qua một số tài liệu phòng cháy chữa cháy) | 34 |
| PHÙNG NGUYỄN TRÍ THÔNG -TRƯƠNG GIA QUYỀN | Bàn về đặc điểm chữ Hán và giảng dạy chữ Hán | 39 |
| PHẠM HỮU ĐỨC | Phát triển kĩ năng sử dụng tiếng Anh qua việc nâng cao nhận thức các đặc điểm so sánh và đối chiếu ngôn ngữ  | 43 |
| CHU THỊ BÍCH LIÊN | Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy nhằm tạo động cơ học tập kĩ năng nghe tiếng Anh | 49 |
| TRẦN THỊ ÁNH TUYẾT | Sử dụng phim tiếng Anh để cải thiện phát âm cho sinh viên  | 55 |
| BÙI THỊ ÁNH NGỌC | Mong muốn của người học đối với phản hồi chữa lỗi của giáo viên trong giờ học nói | 60 |
| TRẦN THỊ THU HÀ | Tính tích cực của việc sử dụng ngôn ngữ hình thể trong phương pháp giảng dạy thuyết trình | 68 |
|  | **NGÔN NGỮ VỚI VĂN CHƯƠNG** |  |
| TRẦN THỊ DIỄM HẠNH | Kết cấu đoạn trong một *Quả cách* của hát Xoan | 72 |
| PHAN THỊ HÀ | Vai trò ẩn dụ ngữ âm trong *Hồng Lâu Mộng* | 76 |
| LƯU THỊ LAN | Một số đặc điểm ngôn ngữ thiếu nhi trong tập thơ *Chú bò tìm bạn* của Phạm Hổ | 84 |
|  | **NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA** |  |
| PHẠM NGỌC HÀM | Nghĩa của từ “du lịch” trong tiếng Hán và tiếng Việt | 90 |
| NGUYỄN VĂN HÙNG | Chức năng của uyển ngữ trong đời sống xã hội | 95 |
|  | **NGÔN NGỮ CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM** |  |
| HỒ XUÂN MAI | Tình hình sử dụng tiếng Việt của học sinh lớp 5 người Stiêng (tỉnh Bình Phước) hiện nay | 100 |

**LANGUAGE & LIFE**

Vol. 7(287)-2019

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **LINGUISTICS AND VIETNAMMESE LINGUISTICS** |  |
| NGUYEN VIET KHOA | Proper names in light of onomastics  | 3 |
| LA THI MY QUYNH | The grammatical and semantic role of relational word “bằng” in Vietnamese | 10 |
|  | **FOREIGN LANGUAGES AND VIETNAMESE** |  |
| TRAN LE DUYEN | Idioms and proverbs contain the component denoting “one” in Vietnamese and English | 18 |
| PHAM THI HUONG GIANG | Contrastive analysis of negative politeness in request letters in English by native English speakers and Vietnamese people | 27 |
| NGUYEN BICH NGOC | Examining how to translate fire fighting and prevention terms from English into Vietnamese (through some fire fighting and prevention materials) | 34 |
| PHUNG NGUYEN TRI THONG - TRUONG GIA QUYEN | Apply characteristics of Chinese character in teaching Chinese character | 39 |
| PHAM HUU DUC | Developing English language skills for EFL Vietnamese learners through raising their awareness of the contrastive linguistic features | 43 |
| CHU THI BICH LIEN | Applying technology in teaching to push students’ motivation in English listening skill study | 49 |
| TRAN THI ANH TUYET | Using English movies to improve pronunciation for students | 55 |
| BUI THI ANH NGOC | Learners’ preferences towards teachers’ corrective feedback in speaking lessons | 60 |
| TRAN THI THU HA | Positive characteristics of the use of body language in the method of teaching the program | 68 |
|  | **LANGUAGE AND LITERATURE** |  |
| TRAN THI DIEM HANH | On the structure of passages in a *Quả cách* of Xoan singing | 72 |
| PHAN THI HA | The role of phonetic metaphor in “*Hồng lâu mộng*” | 76 |
| LUU THI LAN | Some characteristics of children’s language in the poetry book “The calf is finding his friend” of Pham Ho | 84 |
|  | **LANGUAGE AND CULTURAL** |  |
| PHAM NGOC HAM | The meanings of the word "Tourism" in Chinese and Vietnamese | 90 |
| NGUYEN VAN HUNG | Social roles of euphomism in English and Vietnamese | 95 |
|  | **LANGUAGES OF ETHNIC MINORITIES IN VIET NAM** |  |
| HO XUAN MAI | How is ability at Vietnamese language of the Stieng pupiles (Bình Phước province)? | 100 |

**NGÔN NGỮ & ĐỜI SỐNG**

Số 8(288)-2019

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC** |  |
| NGUYỄN MẠNH TIẾN | Một số đặc điểm của động từ trong chức năng chủ ngữ | 3 |
| LÊ HỮU LỘC - NGUYỄN QUANG NGOẠN | Thái độ phán xét thông qua hành vi biểu cảm của giám khảo The voice UK so với giám khảo The voice Vietnam | 12 |
| TRẦN THANH VÂN - NGUYỄN HỒNG QUÂN | Hành động ngôn ngữ dùng để lập luận của người bán trong giao tiếp mua bán ở chợ Cần Thơ | 21 |
| NGUYỄN XUÂN HỒNG | Về một số miền ý niệm nguồn trong diễn ngôn chính trị tiếng Việt  | 27 |
| NGUYỄN VĂN TUYÊN | Các biểu thức ngôn ngữ để *hô* trong văn bản hành chính tiếng Việt | 32 |
|  | **NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ** |  |
| PHAN VĂN QUẾ | Mặt trái của tiếng Anh toàn cầu | 38 |
| PHAN THỊ NGỌC LỆ | Sử dụng động từ tình thái như phương tiện rào đón trong các phản hồi văn bản học thuật tiếng Anh | 44 |
| LƯƠNG BÁ PHƯƠNG | Mối quan hệ giữa thì của động từ và ý nghĩa thời gian trong tiếng Anh và tiếng Việt | 52 |
| CHOI HAE HYOUNG | Nghĩa biểu trưng của thành ngữ tiếng Hàn | 57 |
| VÕ TÚ PHƯƠNG | Sử dụng kho ngữ liệu trong việc dạy và học từ vựng tiếng Anh | 64 |
|  | **NGÔN NGỮ VỚI VĂN CHƯƠNG** |  |
| HOÀNG KIM NGỌC | Những căn cứ ngôn ngữ học để đánh giá cách dùng từ đắt trong văn bản thơ ca | 72 |
| MÔNG LÂM | Giá trị nhân văn trong 3 bài thơ thiền của Hữu Đạt và điểm khác biệt so với thơ thiền thời trung đại | 78 |
|  | **NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA** |  |
| NGUYỄN MINH PHƯƠNG | Nghề và làng nghề thủ công truyền thống trong ca dao xứ Quảng  | 83 |
|  | **NGÔN NGỮ CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM** |  |
| NGUYỄN MINH HOẠT | Đặc điểm lớp từ chỉ tên gọi động vật trong tiếng Ê đê | 87 |
| NGUYỄN THU QUỲNH -NGUYỄN ĐỨC ANH | Giao tiếp ngôn ngữ của học sinh người Na Mẻo ở huyện Tràng Định tỉnh Lạng Sơn | 93 |
|  | **DIỄN ĐÀN NÓI VÀ VIẾT** |  |
| NGUYỄN THỊ BÍCH HẰNG | *Cảm thông* và *thông cảm* | 101 |

**LANGUAGE & LIFE**

Vol. 8(288)-2019

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **LINGUISTICS AND VIETNAMMESE LINGUISTICS** |  |
| NGUYEN MANH TIEN | Some characteristics of verbs in the role of subjects | 3 |
| LE HUU LOC - NGUYEN QUANG NGOAN | Judgment in the expressive speech acts by the judges of The Voice UK versus The Voice Vietnam | 12 |
| TRAN THANH VAN - NGUYEN HONG QUAN | Speech acts in arguments used by sellers for trading at Can Tho market | 21 |
| NGUYEN XUAN HONG | Conceptual source domains in Vietnamese political discourse | 27 |
| NGUYEN VAN TUYEN | Linguistic expressions used to address in the Vietnamese administrative documents | 32 |
|  | **FOREIGN LANGUAGES AND VIETNAMESE** |  |
| PHAN VAN QUE | The dark side of global English | 38 |
| PHAN THI NGOC LE | Modal verb usage as hedging device in English academic written feedback | 44 |
| LUONG BA PHUONG | Verb tense and time relationship in English and Vietnamese | 52 |
| CHOI HAE HYOUNG | The symbolic meanings of Korean idioms | 57 |
| VO TU PHUONG | Using corpora in teaching and learning English vocabulary | 64 |
|  | **LANGUAGE AND LITERATURE** |  |
| HOANG KIM NGOC | Linguistic bases to evaluate the use of expensive words in poetry texts | 72 |
| MONG LAM | Human values in three Zen poems by Huu Dat and different points compared with Zen poetry in medieval times | 78 |
|  | **LANGUAGE AND CULTURAL** |  |
| NGUYEN MINH PHUONG | Traditional crafts and craft villages in folk songs in Quang Nam province | 83 |
|  | **LANGUAGES OF ETHNIC MINORITIES IN VIET NAM** |  |
| NGUYEN MINH HOAT | Characteristics of word class refering to animal names in Ê đê language | 87 |
| NGUYEN THU QUYNH - NGUYEN DUC ANH | Verbal communication of Na Meo students in Trang Dinh district, Lang Son province | 93 |
|  | **FORUM FOR READERS** |  |
| NGUYEN THI BICH HANG | *Cam thong* and *thong cam* | 101 |

**NGÔN NGỮ & ĐỜI SỐNG**

Số 9(289)-2019

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC** |  |
| TRẦN VĂN PHƯỚC | Sự lựa chọn ngôn ngữ đánh giá tình cảm trong một số truyện ngắn Việt Nam | 3 |
| NGUYỄN THỊ THÚY HIỀN | Các hành vi ngôn ngữ trong giao tiếp chính thức của lực lượng Công an nhân dân (Qua một số phim truyện về Công an nhân dân) | 16 |
| ĐẶNG THỊ NGỌC LY | Đặc điểm cấu tạo của từ ngữ nghề rèn ở Đa Sỹ, Hà Đông | 25 |
|  | **NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ** |  |
| PHAN VĂN HÒA | Thực hành hóa các cách tiếp cận mới trong dạy-học các môn lí thuyết tiếng của chương trình đào tạo cử nhân tiếng Anh | 31 |
| NGUYỄN VĂN KHÁNH | Một số đặc điểm cấu tạo thuật ngữ quân sự tiếng Anh | 39 |
| NGUYỄN QUANG NGOẠN - ĐẶNG TRỊNH TRƯỜNG GIANG | Dịch câu bị động trong phiên dịch hội thảo khoa học: điển cứu từ trung tâm hội thảo quốc tế ICISE | 44 |
| CHU THỊ BÍCH LIÊN | Đổi mới phương pháp dạy kĩ năng đọc hiểu tiếng Anh cho sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền | 54 |
| NGUYỄN THỊ THANH HÀ | Nâng cao kĩ năng nói cho sinh viên không chuyên tiếng Anh tại Trường Đại học Thương Mại qua hoạt động đóng vai | 59 |
| DƯƠNG THỊ HỒNG THẮM | Thực trạng khả năng nói tiếng Anh và đề xuất một số hoạt động tự luyện tập cho sinh viên Khoa Đào tạo Quốc tế - Trường Đại học Thương Mại | 66 |
| CAO NGẬT KIỀU (Gao Yi Jiao) | Đặc điểm địa danh tiếng Di ở châu Hồng Hà, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc | 71 |
|  | **NGÔN NGỮ VỚI VĂN CHƯƠNG** |  |
| DƯƠNG ĐỨC THẢO | Trường nghĩa chỉ người trong tiểu thuyết "*Mảnh đất lắm người nhiều ma*" của Nguyễn Khắc Trường | 75 |
| ĐỖ THỊ HƯƠNG BƯỞI | Khảo sát tín hiệu thẩm mĩ thuộc trường nghĩa "*mắt*" trong kho tàng ca dao cổ người Việt và thơ ca Việt Nam 1945-1975 | 83 |
| BÙI THỊ YẾN | Ẩn dụ bổ sung trong thơ mạng đương đại Việt Nam (Qua một số bài thơ của Vi Thùy Linh, Nguyễn Thế Hoàng Linh và Nguyễn Thiên Ngân) | 90 |
|  | **NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA** |  |
| LÊ ĐỨC LUẬN - TRẦN NGỌC ĐỨC | Đặc điểm cấu tạo và chức năng cú pháp của thành ngữ trong các bản tin phát thanh truyền hình huyện Điện Bàn, Quảng Nam | 99 |
| QUÁCH THỊ BÌNH THỌ | Hành động khen trong ca dao người Việt | 105 |
|  | **NGÔN NGỮ CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM** |  |
| ĐỖ THỊ THANH THỦY | Thái độ ngôn ngữ của người dân tộc thiểu số xã Nà Nghịu, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La | 113 |

**LANGUAGE & LIFE**

Vol. 9(289)-2019

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **LINGUISTICS AND VIETNAMMESE LINGUISTICS** |  |
| TRAN VAN PHUOC | Choices of evaluative language source for affect in some Vietnamese short stories | 3 |
| NGUYEN THI THUY HIEN | Speech acts in formal communication of the people’s public security force | 16 |
| DANG THI NGOC LY | Structural characteristics of forging terms in Da Sy, Ha Dong | 25 |
|  | **FOREIGN LANGUAGES AND VIETNAMESE** |  |
| PHAN VAN HOA | Practicalizing new approaches in teaching-learning theoretical subjects in BA curriculum of English at Vietnam Universities | 31 |
| NGUYEN VAN KHANH | Some features of structure of military terminology in English | 39 |
| NGUYEN QUANG NGOAN -DANG TRINH TRUONG GIANG | Interpretation of passive sentences at a scientific conference: a case study at ICISE international conference center…… | 44 |
| CHU THI BICH LIEN | Innovative teaching method in English reading comprehension for academy of journalism and communication students | 54 |
| NGUYEN THI THANH HA | Improving speaking skills for English non-majored students at Thuong Mai University through role play | 59 |
| DUONG THI HONG THAM | The reality of English speaking skills practice and suggest some practical activities for students at Faculty of International Training - Thuong mai University | 66 |
| CAO NGAT KIEU (Gao Yi Jiao) | An investigation into Yi language place names in Honghe Prefecture, Yunnan, China…………………………… | 71 |
|  | **LANGUAGE AND LITERATURE** |  |
| DUONG DUC THAO | The semantic field of the word “man” in the novel “*Manh dat lam nguoi nhieu ma*” of Nguyen Khac Truong | 75 |
| DO THI HUONG BUOI | Survey on the aesthetic signals of semantic aspects of “EYES” in the inventory of folk songs and poetry of Vietnam 1945-1975 | 83 |
| BUI THI YEN | Completive metaphor in contemporary Vietnamese network poems (Through some poems by Vi Thuy Linh, Nguyen The Hoang Linh and Nguyen Thien Ngan) | 90 |
|  | **LANGUAGE AND CULTURAL** |  |
| LE DUC LUAN - TRAN NGOC DUC | Structural characteristics and grammatical functions performed by idioms in the news texts issued on the Radio and Television of Dien Ban, Quang Nam | 99 |
| QUACH THI BINH THO | Compliments in Vietnamese folk songs | 105 |
|  | **LANGUAGES OF ETHNIC MINORITIES IN VIET NAM** |  |
| DO THI THANH THUY | Ethnic minorities’ attitudes towards language in Na Nghiu commune, Song Ma district, Son La province | 113 |
| NGUYEN THI BICH HANG | *Cam thong* and *thong cam* | 101 |

**NGÔN NGỮ & ĐỜI SỐNG**

Số 10(290)-2019

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC** |  |
| PHẠM HIỂN | Giới thiệu một số công thức tính độ khó văn bản: một đề xuất cho tiếng Việt | 3 |
| PHẠM THỊ THANH THÙY | Nghĩa của văn bản nằm ở đâu? Hay mối quan hệ giữa văn bản - tác giả - độc giả | 13 |
| VŨ THỊ HẢI HÀ | Các tham số âm học trong chẩn đoán, điều trị rối loạn giọng nói  | 17 |
| NGUYỄN THỊ THU TRANG | Một số đặc trưng của lập luận trong hoạt động giao tiếp đời thường | 23 |
| HỒ THỊ KIM ÁNH | Sự chi phối của vai nghĩa đối thể trong sự chuyển hóa vị từ  “hành động” sang vị từ  “tư thế” | 27 |
| TRẦN HƯƠNG THỤC | Thành tố phụ trước trung tâm động ngữ tiếng Việt thế kỉ XIX (khảo sát trên nguồn ngữ liệu *Nam Việt Dương hiệp tự vị*)  | 32 |
| TRẦN THỊ THÙY OANH | Cơ chế tri nhận trong các diễn đạt ẩn dụ dựa trên giác quan trong tiếng Việt | 39 |
|  | **NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ** |  |
| NGUYỄN THỊ THIẾT | Đặc điểm cấu tạo của thuật ngữ bưu chính viễn thông tiếng Anh | 44 |
| CAO KIM VY - TRẦN THỊ PHƯƠNG LÝ | Hiện tượng pha trộn ngôn ngữ Việt-Anh trong giao tiếp của tiểu thương chợ Bến Thành, thành phố Hồ Chí Minh | 49 |
| PHẠM THÚY HỐNG | Thiết kế một số hoạt động tương tác trong dạy học khẩu ngữ tiếng Hán | 55 |
| TRẦN THỊ THANH THỦY - NGUYỄN THỊ THANH BÌNH - NGUYỄN LÊ TỐ QUYÊN - HOÀNG NGỌC ANH | Một số vấn đề về kiểm tra đánh giá kết thúc học phần tiếng Anh chuyên ngành tại Trường Đại học Quy Nhơn | 60 |
| NGUYỄN THỊ KIM CHI | Một vài chiến lược ghi chép hiệu quả để cải thiện kĩ năng nghe hiểu | 66 |
| TRẦN THỊ THU HIỀN | Nâng cao nhận thức tự học tiếng Anh của sinh viên Trường Đại học Thương Mại | 71 |
| ĐỖ THỊ BÍCH ĐÀO |
|  | **NGÔN NGỮ VỚI VĂN CHƯƠNG** |  |
| KIỀU THANH THẢO | Đặc điểm vần trong thơ Cầm Biêu | 80 |
|  | **NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA** |  |
| TRẦN THỊ LY NA | Hành động thông báo trong giao tiếp của người Nghệ Tĩnh | 86 |
|  | **NGÔN NGỮ CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM** |  |
| TRỊNH CẨM LAN | Thích nghi giao tiếp và thái độ ngôn ngữ - những cơ chế tâm lí - xã hội ảnh hưởng đến sự mai một ngôn ngữ  | 94 |
| TRẦN THỊ HỒNG HẠNH | Tình hình sử dụng ngôn ngữ ở các vùng dân tộc thiểu số tỉnh Thanh Hóa | 101 |
| NGUYỄN MINH HOẠT | Danh từ chỉ đồ vật, lễ hội trong tiếng Ê đê | 111 |

**LANGUAGE & LIFE**

Vol. 10(290)-2019

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **LINGUISTICS AND VIETNAMMESE LINGUISTICS** |  |
| PHAM HIEN | Introduction to some readability formulas: a proposal for Vietnamese | 3 |
| PHAM THI THANH THUY | The relationship between text - author - reader | 13 |
| VU THI HAI HA | Acoustical parameters in the diagnosis and treatment of speech disorders | 17 |
| NGUYEN THI THU TRANG | Somebasic characteristics of the real-lifearguments  | 23 |
| HO THI KIM ANH | The role of the opposite meaning in the transformation of “action” predicate into “positional” predicate | 27 |
| TRAN HUONG THUC | Pre - auxiliary element in the center of Vietnamese verb phrase in the 19th century (on *Nam Viet Duong hiep tu vi; (Dictionarium Latino Annamiticum))* | 32 |
| TRAN THI THUY OANH | Cognitive mechanism in Vietnamese metaphorical expressions based on senses | 39 |
|  | **FOREIGN LANGUAGES AND VIETNAMESE** |  |
| NGUYEN THI THIET | The structural characteristics of  posts and telecommunications terms in English | 44 |
| CAO KIM VY - TRAN THI PHUONG LY | A research on the phenomenon of mixing English -Vietnamese language in the communication of Vietnamese people (through materials surveyed at District 1, Ho Chi Minh City) | 49 |
| PHAM THUY HONG | Design some interactive activities in Chinese speaking lesson | 55 |
| TRAN THI THANH THUY - NGUYEN THI THANH BINH - NGUYEN LE TO UYEN - HOANG NGOC ANH | Some problems in English for specific purpose final tests at Quy Nhon University | 60 |
| NGUYEN THI KIM CHI | Strategies for better note-taking to improve listening skills | 66 |
| TRAN THI THU HIEN - DO THI BICH DAO | Promoting students’ perceptions of learner autonymy in learning English at Thuong Mai University | 71 |
|  | **LANGUAGE AND LITERATURE** |  |
| KIEU THANH THAO | Rhythm chararacteristics of Cam Bieu’s poetry  | 80 |
|  | **LANGUAGE AND CULTURAL** |  |
| TRAN THI LY NA | Notification action in communication of Nghe Tinh people… | 86 |
|  | **LANGUAGES OF ETHNIC MINORITIES IN VIET NAM** |  |
| TRINH CAM LAN | Communication accommodation and language attitudes: socio-psychological mechanisms affecting language endangerment | 94 |
| TRAN THI HONG HANH | The use of language in ethnic minority areas in Thanh Hoa Province | 101 |
| NGUYEN MINH HOAT | The nouns referring to objects and festivals in Ede language | 111 |

**NGÔN NGỮ & ĐỜI SỐNG**

Số 11(291)-2019

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC** |  |
| PHAN VĂN HÒA - VƯƠNG THỊ HOAN | Phân tích và so sánh các loại động từ dùng trong diễn trình vật chất của tiếng Việt và tiếng Anh từ góc nhìn ngữ pháp chức năng của Halliday (Dựa trên cứ liệu trong "Hobby hydroponics" của Howard MResh và "Kĩ thuật thủy canh và sản xuất rau sạch" của Nguyễn Xuân Nguyên) | 4 |
| VÕ ĐẠI QUANG | Câu hỏi: một phương tiện biểu đạt tình thái trong tiếng Anh? | 10 |
| PHẠM THỊ THANH HƯỜNG - TRƯƠNG VĂN ĐỊNH | Ngôn ngữ đánh giá về vấn đề đồng tính trên báo tiếng Anh và tiếng Việt | 17 |
| NGUYỄN ĐÔNG PHƯƠNG TIÊN | Điển dạng màu *white* trong tiếng Anh và điển dạng màu *trắng* trong tiếng Việt từ quan điểm tri nhận | 25 |
| ĐOÀN THÚY QUỲNH | Giá trị của vần trong phần lời của các ca khúc nhạc nhẹ tiếng Anh giai đoạn 1980-2000 | 31 |
| NGUYỄN HẢI HÀ | Khảo sát hiện tượng mơ hồ từ vựng và cấu trúc với vai trò là một nguồn tạo nên tính hài hước của các câu chuyện tếu tiếng Anh | 37 |
| VÕ THỊ MỸ HẠNH | Mô hình cấu tạo thuật ngữ công tác xã hội tiếng Anh | 43 |
|  | **NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ** |  |
| NGÔ ĐÌNH PHƯƠNG - TẠ NHAN NỮ NGUYỆT ANH | Tác động của các giờ dạy nói dựa trên thuyết đa trí tuệ đối với động lực và năng lực trình bày tiếng Anh của người học ngoại ngữ | 54 |
| XUÂN NGHI - NGUYỄN THÁI SƠN | Giảng dạy tiếng Anh pháp lí: những khó khăn trong dịch thuật ngữ pháp lí Anh-Việt | 64 |
| NGUYỄN ĐẶNG NGUYỆT HƯƠNG | Đặc điểm phát âm tổ hợp phụ âm ba - trường hợp tiếng Anh của người Việt | 78 |
| TRẦN THỊ THANH LOAN | Một số ảnh hưởng tiêu cực của các câu quảng cáo có vấn đề về thực phẩm và đồ uống đối với người Việt Nam | 83 |
| NGUYỄN TRÚC AN | Tác động của phản hồi theo cặp trong việc viết tiếng Anh như một ngoại ngữ đối với tính tự học của sinh viên năm thứ nhất | 96 |
| NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC | Đề xuất một vài hoạt động để thực hành cấu trúc ngữ pháp cho học sinh tiểu học | 104 |
| NGUYỄN MINH HẰNG | Ứng dụng phần mềm dạy phát âm trong giảng dạy phát âm cho người học tiếng Anh như một ngôn ngữ nước ngoài | 111 |
| TẠ THỊ BÍCH LIÊN | Một số kĩ thuật giúp triển khai hoạt động viết trong thời gian hạn định tại lớp học | 120 |
| TRỊNH THỊ MỘNG NGỌC - TRỊNH BỘI NGỌC | Sự ảnh hưởng của giới tính người học đối với mức độ sử dụng thành thạo công nghệ và thái độ đối với việc học trực tuyến | 126 |
| NGHIÊM THỊ THU HÀ - PHẠM THỊ BÍCH HẢO | Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học phát âm tiếng Anh cho sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội | 132 |
| NGUYỄN DIỆU NGỌC - MAI THỊ PHƯƠNG THẢO | Phát triển các kĩ năng thiết yếu của thế kỉ 21 bằng việc dạy mục tiêu phát triển bền vững thông qua việc sử dụng Skype trong học đường | 138 |
| HOÀNG NGỌC TUỆ - TRẦN THỊ KIM HUỆ - LÊ THỊ THU HƯƠNG - PHẠM NGỌC THANH VÂN | Yêu cầu tiếng Anh tại nơi làm việc đối với sinh viên ngành Du lịch và Khách sạn tại các trường đại học công lập ở Việt Nam | 148 |
| PHẠM MAI KHÁNH - ĐỖ THANH LOAN | Khảo sát nhu cầu sử dụng tiếng Anh của nhà tuyển dụng và người lao động trong lĩnh vực Công nghệ thông tin | 166 |

**LANGUAGE & LIFE**

Vol.. 11(291)-2019

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **LINGUISTICS AND VIETNAMESE LINGUISTICS** |  |
| PHAN VAN HOA - VUONG THI HOAN | An analysis and comparison between the verb types of material processes in English and Vietnamese (Based on the data of the books “hobby hydroponics” by Howard MResh and “Kĩ thuật thủy canh và sản xuất rau sạch” by Nguyễn Xuân Nguyên) | 4 |
| VO DAI QUANG | Questions: a modality-expressing means in English? | 10 |
| PHAM THI THANH HUONG - TRUONG VAN DINH | An appraisal of homosexuality in English-Vietnamese articles | 17 |
| NGUYEN DONG PHUONG TIEN | Prototype of *white* color in English and prototype of *trắng* color in Vietnamese from cognitive perspective  | 25 |
| DOAN THUY QUYNH | The values of rhyme in English popsongs between 1980-2000 | 31 |
| NGUYEN HAI HA | Examining lexical and structural ambiguity as a source of constructing funniness in English verbal jokes | 37 |
| VO THI MY HANH | Structural models of social work terms in English | 43 |
|  | **FOREIGN LANGUAGES AND VIETNAMESE** |  |
| NGO DINH PHUONG - TA NHAN NU NGUYET ANH | The effects of MI-based speaking lessons on EFL learners’ motivation and performance | 54 |
| XUAN NGHI - NGUYEN THAI SON  | English for legal purposes: issues in translating English - Vietnamese legal terminology  | 64 |
| NGUYEN DANG NGUYET HUONG | Consonant clusters simplification - the case of Vietnamese speakers of English | 78 |
| TRAN THI THANH LOAN | Some negative influences of food and beverage problematic advertising sentences on Vietnamese people | 83 |
| NGUYEN TRUC AN | The impact of peer feedback in EFL writing on first-year students’ learner autonomy | 96 |
| NGUYEN THI BICH NGOC | Suggested grammatical structures activities for primary students | 104 |
| NGUYEN MINH HANG | The effectiveness of using pronunciation software in teaching pronunciation to EFL learners | 111 |
| TA THI BICH LIEN | Some techniques to facilitate in-class timed writing | 120 |
| TRINH THI MONG NGOC - TRINH BOI NGOC | The impact of genders on EFL learners’ levels of technical proficiency and attitudes towards E-learning | 126 |
| NGHIEM THI THU HA - PHAM THI BICH HAO | ICT use in teaching and learning English pronunciation for the first - year students at Hanoi University of Industry | 132 |
| NGUYEN DIEU NGOC - MAI THI PHUONG THAO | Fostering 21st century skills by teaching sustainable development goals using skype in the classroom | 138 |
| HOANG NGOC TUE - TRAN THI KIM HUE - LE THI THU HUONG - PHAM NGOC THANH VAN | English for language requirements at workplace for students of tourism and hospitality at public universities in Vietnam | 148 |
| PHAM MAI KHANH - DO THANH LOAN | An investigation into the English language needs of information technology professionals: employers’ and employees’ perspectives | 166 |

**NGÔN NGỮ & ĐỜI SỐNG**

Số 12(292)-2019

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC** |  |
| NGUYỄN VĂN KHANG - Y BÊ | Tình hình sử dụng ngôn ngữ của người Xơ Đăng ở xã Ngọk Tụ, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum | 3 |
| TRẦN NGỌC ĐỨC | Các mô hình định danh cơ bản của thuật ngữ cơ khí tiếng Việt | 14 |
| PHẠM THỊ HÀ | Đặc điểm sử dụng ngôn ngữ của học sinh tại Trường Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh Lâm Đồng | 23 |
| NGUYỄN THỊ THỦY | Vị trí thổ ngữ Cao Lao Hạ ở tỉnh Quảng Bình trong bức tranh phương ngữ Trung Bộ của tiếng Việt | 29 |
| NGUYỄN HẠNH NHI | Đặc điểm cấu tạo của địa danh Quảng Ngãi | 36 |
| TRẦN TRUNG HIẾU | Mô hình tri nhận ẩn dụ ý niệm của kết cấu “X + bộ phận cơ thể người” tiếng Việt | 42 |
| HÀ THÙY DƯƠNG | Đặc điểm định danh cây nông nghiệp tiếng Việt | 54 |
| LA THỊ MỸ QUỲNH | Vai trò của quan hệ từ trong truyện ngắn *Hai đứa trẻ* (Thạch Lam) nhìn từ lí thuyết ba bình diện: kết học, nghĩa học và dụng học | 59 |
| NGUYỄN THỊ LY NA | Một số đặc điểm về ngôn ngữ được sử dụng trong các chương trình tư vấn sức khỏe trên VTV | 68 |
|  | **NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ** |  |
| HOÀNG TUYẾT MINH | Ngữ cố định chỉ tốc độ chậm trong tiếng Anh và tiếng Việt: một nghiên cứu đối chiếu dưới góc nhìn văn hoá-xã hội | 75 |
| NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ | Phương pháp khối liệu và nghiên cứu thử nghiệm bản dịch tiếng Việt về Marketing  | 82 |
| TRẦN THỊ HẢI BÌNH | Đơn vị từ vựng thuộc trường thị giác mô tả tâm trạng và cảm xúc trong thành ngữ tiếng Việt và tiếng Anh | 94 |
| ĐẶNG NGUYÊN GIANG | Bảng hỏi trong nghiên cứu lớp học tiếng Anh | 101 |
| LÊ MINH ĐẠT | Khảo sát cách phát âm các âm cuối trong âm tiết tiếng Anh của học sinh lớp 10 Trường THPT Trần Phú, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh | 107 |
|  | **NGÔN NGỮ VỚI VĂN CHƯƠNG** |  |
| ĐỖ ANH VŨ | Sự chuyển vị giữa các tiểu trường từ vựng thuộc nhóm “phát ra âm thanh” trong tiếng Việt | 114 |
|  | **NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA** |  |
| NGUYỄN THỊ HOA | Đặc điểm xưng hô của vai giao tiếp nông dân trong một số tác phẩm văn học | 120 |
|  | **NGÔN NGỮ CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM** |  |
| TRƯƠNG THỊ HỒNG GÁI | Bước đầu nhận diện hệ thống ngữ âm tiếng Mơ-nâm ở tỉnh Kon Tum (trên tư liệu tiếng Mơ-nâm ở xã Măng Cành, huyện Kon Plong) | 129 |
|  | **CHÂN DUNG NHÀ KHOA HỌC** |  |
| NGUYỄN VĂN HUY - NGUYỄN THANH HÓA | Giá trị một tài liệu quý của Giáo sư Hoàng Phê | 134 |

**LANGUAGE & LIFE**

Vol. 12(292)-2019

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **LINGUISTICS AND VIETNAMMESE LINGUISTICS** |  |
| NGUYEN VAN KHANG - Y BE | The situation of Xo Dang ethnic ethnic minority’s language use at NgoK Tu commune, Dak To district, Kon Tum province | 3 |
| TRAN NGOC DUC | Some basic term identification models of mechanical engineering terminology in Vietnamese | 14 |
| PHAM THI HA | Characteristics of language use in the Ethnic minority Boarding High school in Lâm Đồng province | 23 |
| NGUYEN THI THUY | Location of Cao Lao Hạ sub-dialect in Quảng Bình province in the picture of the Central dialect of Vietnamese | 29 |
| NGUYEN HANH NHI | Morphological structure of geographical names of Quang Ngai | 36 |
| TRAN TRUNG HIEU | The cognitive models of conceptual metaphors denoted by the idiomatic structures “X+ BODY PARTS" in Vietnamese | 42 |
| HA THUY DUONG | Indentification characteristics of agricultural crops in Vietnamese | 54 |
| LA THI MY QUYNH | The role of relational word in the short story *Hai đứa trẻ* (Thach Lam) seen from three-disciplinetheory: syntax, semantics and pragmatics | 59 |
| NGUYEN THI LY NA | Some linguistic characteristics used in the health consultancy programs on VTV | 68 |
|  | **FOREIGN LANGUAGES AND VIETNAMESE** |  |
| HOANG TUYET MINH | Slow-speed set expressions in English and Vietnamese: a contrastive study from the socio-cultural perspective | 75 |
| NGUYEN THI HONG HA | Corpus-based and a pilot study on Vietnamese translation of marketing | 82 |
| TRAN THI HAI BINH | Lexical units in 'eye' field expressing moods and emotions in Vietnamese and English idioms | 94 |
| DANG NGUYEN GIANG | Questionnaires in English classroom research | 101 |
| LE MINH DAT | A survey on how to pronounce final consonants in English syllables by tenth graders at Tran Phu high school, Tan Bien district, Tay Ninh province | 107 |
|  | **LANGUAGE AND LITERATURE** |  |
| DO ANH VU | Change of position among words of “CREATING SOUND” group in Vietnamese | 114 |
|  | **LANGUAGE AND CULTURAL** |  |
| NGUYEN THI HOA | Characteristics of addressing forms in peasants’ communication roles via some literary work | 120 |
|  | **LANGUAGES OF ETHNIC MINORITIES IN VIET NAM** |  |
| TRUONG THI HONG GAI  | Preliminary phonological analysis of Mo-nam language in Kon Tum province (Based on data of Mo-nam spoken in Mang Canh commune, Kon Plong district) | 129 |
|  | **THE SCIENTIST'S PROFILE** |  |
| NGUYEN VAN HUY - NGUYEN THANH HOA | The value inherent in one of Professor Hoang Phe's works | 134 |